

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Ngôn ngữ Trung Quốc
Tên tiếng Anh	: Chinese Language
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Ngôn ngữ Trung Quốc
Loại hình đào tạo	: Chính quy – hệ tín chỉ
Mã ngành	: 52220204

(Ban hành theo Quyết định số 437/QĐ-NTT, ngày 28 tháng 09 năm 2012 của Hiệu Trưởng Trường Đại Học Nguyễn Tất Thành)

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có phẩm chất chính trị và đạo đức, nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, có khả năng giải quyết tốt các công việc thuộc ngành nghề chuyên môn, đáp ứng được những yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

Sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn và khoa học tự nhiên cần thiết đối với một cử nhân Đại học, đạt được năng lực sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc (nghe, nói, đọc, viết) tương đương cấp 5/6 của kỳ thi chứng chỉ Hán ngữ quốc tế (HSK) của Trung Quốc.

Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức cần thiết về lý luận dịch, kỹ năng – kỹ thuật nghiệp vụ phiên dịch và biên dịch, sử dụng thành thạo tiếng Trung và các nghiệp vụ được đào tạo để có thể đảm trách công việc biên phiên dịch trong các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

1.2.1.1. Tri thức chuyên môn

- Có nền tảng kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Trung Quốc, có khả năng giao tiếp tốt thông qua các học phần:

- Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.
- Ngữ pháp 1, 2
- Nghe 1, 2, 3
- Nói 1, 2, 3

- Đọc 1, 2, 3
- Viết 1, 2, 3
- Có hiểu biết về văn hóa Việt Nam, Trung Quốc và lịch sử thế giới thông qua các học phần:
 - Cơ sở văn hóa Việt Nam
 - Đất nước học Trung Quốc
 - Văn hóa Trung Quốc 1, 2
 - Văn tuyển 1, 2
 - Lịch sử văn minh thế giới

1.2.1.2. Năng lực nghề nghiệp:

- Có khả năng biên phiên dịch Trung – Việt. Bao gồm các học phần:
 - Dịch nói 1, 2, 3
 - Dịch viết 1, 2, 3
 - Đàm thoại du lịch
 - Giao tiếp thương mại
- Có khả năng thuyết trình thông qua các học phần: Kỹ năng thuyết trình.
- Có trình độ ngoại ngữ 2 (tiếng Anh): đạt chuẩn TOEIC 450 điểm.
Bao gồm các học phần:
 - Anh văn giao tiếp 1, 2
 - TOEIC 1, 2, 3, 4,
- Có trình độ tin học sơ cấp
 - Tin học văn phòng – Thực hành

1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng cứng:

- Kỹ năng biên phiên dịch Trung – Việt.
- Kỹ năng nghe – nói – đọc – viết tiếng Trung Quốc.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm:

- Kỹ năng thuyết trình.
- Có kỹ năng giải quyết tình huống, quản lý thời gian, làm việc nhóm, v.v...(Có được từ các lớp ngoại khóa).

1.2.3. Yêu cầu về thái độ

- Trung thành với tổ quốc, hiểu biết và chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tác phong nghiêm túc, có tính kỷ luật cao và trách nhiệm trong công việc.
- Năng động trong công việc, không ngừng học tập, nâng cao trình độ và luôn có ý thức trau dồi nghề nghiệp.
- Có sự hiểu biết về những vấn đề đương đại
- Nắm vững các vấn đề liên quan đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước qua các học phần:
 - Giáo dục quốc phòng.
 - Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin
 - Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt nam
 - Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Hiểu và biết vận dụng các vấn đề tư duy và phân tích mối quan hệ biện chứng của hiện tượng sự việc thông qua các học phần:
 - Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin
 - Tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

- Biên phiên dịch Trung – Việt.

1.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- Học lên sau đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và các ngành phù hợp theo qui định.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC: 145 tín chỉ (không kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh đại học, hệ chính quy của Bộ Giáo Dục & Đào Tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Theo Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 52 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Lý luận chính trị

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	Những NLCB của CN Mác-Lênin	5	75		
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		070010(a)
3	070002	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	45		070018(a)
		Tổng	10	150		

7.1.2. Khoa học xã hội

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070354	Quản trị học	2	30		
5	070001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30		
6	070021	Tiếng Việt thực hành	2	30		
7	070286	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30		070021(a)
8	070310	Ngôn ngữ học so sánh	2	30		
9	070011	Pháp luật đại cương	2	30		
10	070012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30		
		Tổng	14	210		

7.1.3. Nhân văn – nghệ thuật

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
11	070006	Kỹ năng giao tiếp 1	2	30		
12	070007	Kỹ năng giao tiếp 2	2	30		070006(a)
		Tổng	4	60		

7.1.4. Ngoại ngữ:

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
13	070407	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
14	070408	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	070407(a)
15	070409	TOEIC 1	3	30	30	070408(a)
16	070410	TOEIC 2	3	30	30	070409(a)
17	070411	TOEIC 3	3	30	30	070410(a)
18	070412	TOEIC 4	3	30	30	070411(b)
		Tổng	18	180	180	

7.1.5. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên:

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
19	070405	Tin học văn phòng 1	2		60	
20	070406	Tin học văn phòng 2	2		60	070405(a)
		Tổng	4		120	

7.1.6. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
21	1100018	Giáo dục thể chất	5			
		Tổng	5			

7.1.7. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
22	1100019	Giáo dục quốc phòng	3		165	

		Tổng	3		165	
--	--	-------------	----------	--	------------	--

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 95 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở: 45 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
23	070622	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	3	30	30	070629(c) 070632(c) 070638(c) 070635(c)
24	070623	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	3	30	30	070622(a) 070630(c) 070633(c) 070639(c) 070636(c)
25	070624	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	3	30	30	070623(a) 070631(c) 070634(c) 070640(c) 070637(c)
26	070625	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	3	30	30	070624(a)
27	070626	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3	30	30	070625(a)
28	070627	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6	3	30	30	070626(a)
29	070628	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 7	3	30	30	070627(a)
30	070629	Viết 1	2	15	30	070622(c) 070632(c) 070638(c) 070632(c)
31	070630	Viết 2	2	15	30	070629(a) 070623(c) 070636(c) 070639(c) 070633(c)
32	070631	Viết 3	2	15	30	070630(a) 070624(c) 070637(c) 070640(c) 070634(c)
33	070632	Đọc 1	2	15	30	070622(c) 070629(c) 070635(c) 070638(c)
34	070633	Đọc 2	2	15	30	070632(a) 070623(c) 070630(c) 070636(c) 070639(c)
35	070634	Đọc 3	2	15	30	070633(a) 070624(c) 070631(c) 070637(c) 070640(c)

36	070635	Nghe 1	2	15	30	
37	070636	Nghe 2	2	15	30	070635(a)
38	070637	Nghe 3	2	15	30	070636(a)
39	070638	Nói 1	2	15	30	
40	070639	Nói 2	2	15	30	070638(a)
41	070640	Nói 3	2	15	30	070639(a)
	Tổng		45	390	570	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 37 tín chỉ (19 tín chỉ bắt buộc và 18 tín chỉ tự chọn)

7.2.2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 19 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
42	070641	Dịch nói 1	2	15	30	070625(a) 070644(c)
43	070642	Dịch nói 2	2	15	30	070625(b) 070641(a) 070645(c)
44	070643	Dịch nói 3	2	15	30	070625(b) 070642(a) 070646(c)
45	070644	Dịch viết 1	3	30	30	070625(b) 070641(c)
46	070645	Dịch viết 2	3	30	30	070625(b) 070644(a) 070642(c)
47	070646	Dịch viết 3	3	30	30	070625(b) 070645(a) 070643(c)
48	070647	Giao tiếp thương mại	2	15	30	070625(b)
49	070648	Khẩu ngữ du lịch	2	15	30	070625(b)
	Tổng		19	165	240	

7.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn: 18 tín chỉ (sinh viên chọn 09 học phần trong tổng số 20 học phần tự chọn theo sự hướng dẫn của cố vấn học tập, khuyến khích sinh viên chọn các học phần có dấu *)

– Văn học:

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
50	070649	Cổ Hán ngữ 1	2	15	30	070625(b)
51	070650	Cổ Hán ngữ 2	2	15	30	070625(b) 070649(a)
52	070651	Văn học sử Trung Quốc 1	2	15	30	070625(a)
53	070652	Văn học sử Trung Quốc 2	2	15	30	070625(c) 070651(a)
54	070653	Văn tuyển 1 *	2	15	30	070625(b) 070626(a)
55	070654	Văn tuyển 2 *	2	15	30	070625(b) 070653(a)
56	070655	Trích giảng thơ Đường*	2	15	30	070625(b) 070627(a)

– Văn hóa – xã hội:

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
57	070656	Đất nước học Trung Quốc 1*	2	15	30	070625(a)
58	070657	Đất nước học Trung Quốc 2*	2	15	30	070625(b) 070656(a)
59	070658	Văn hóa Trung Quốc 1	2	15	30	070625(a)
60	070659	Văn hóa Trung Quốc 2	2	15	30	070625(b) 070658(a)

– **Kiến thức và Kỹ năng ngôn ngữ:**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
61	070660	Ngữ âm văn tự tiếng Trung Quốc	2	15	30	070625(b)
62	070661	Ngữ pháp 1 *	2	15	30	070625(a)
63	070662	Ngữ pháp 2 *	2	15	30	070625(b) 070661(a)
64	070663	Độc 4*	2	15	30	070662(a)
65	070664	Viết 4*	2	15	30	070625(b) 070631(a)

– **Thực hành và nghệ thuật:**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
66	070665	Tin học tiếng Trung Quốc*	2	15	30	070625(b) 070656(a) 070657(a)
67	070666	Thư pháp	2	15	30	070625(b)

7.2.3. Thực tập và khóa luận cuối khóa: 13 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
68	070667	Thực tập cuối khóa	6			
69	070668	Khóa luận tốt nghiệp/ Môn thay thế	7			
Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp:						
70		Luyện kỹ năng thi HSK cấp 5/6	7			
		TỔNG	13			

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
Học kỳ 1							
Học phần bắt buộc				13	90	210	
1	070405	Tin học văn phòng 1	0101070405	2	0	60	
2	070622	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	0101070622	3	30	30	070629(c) 070632(c) 070635(c) 070638(c)
3	070629	Viết 1 (Ngôn ngữ Trung)	0101070629	2	15	30	070622(c) 070632(c) 070635(c) 070638(c)
4	070632	Đọc 1 (Ngôn ngữ Trung)	0101070632	2	15	30	070622(c) 070629(c) 070635(c) 070638(c)
5	070635	Nghe 1 (Ngôn ngữ Trung)	0101070635	2	15	30	070622(c) 070629(c) 070632(c) 070638(c)
6	070638	Nói 1 (Ngôn ngữ Trung)	0101070638	2	15	30	070622(c) 070629(c) 070632(c) 070635(c)
Học kỳ 2							
Học phần bắt buộc				13	90	210	
1	070406	Tin học văn phòng 2	0101070406	2	0	60	070405(a)
2	070623	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	0101070623	3	30	30	070622(a) 070630(c) 070633(c) 070636(c) 070639(c)
3	070630	Viết 2 (Ngôn ngữ Trung)	0101070630	2	15	30	070629(a) 070623(c) 070633(c) 070636(c) 070639(c)
4	070633	Đọc 2 (Ngôn ngữ Trung)	0101070633	2	15	30	070632(a) 070623(c) 070630(c) 070636(c) 070939(c)
5	070636	Nghe 2 (Ngôn ngữ Trung)	0101070636	2	15	30	070635(a) 070623(c) 070630(c) 0070633(c) 070639(c)
6	070639	Nói 2 (Ngôn ngữ Trung)	0101070639	2	15	30	070638(a) 070623(c) 070630(c) 070633(c) 070636(c)

Học kỳ 3							
Học phần bắt buộc				13	120	150	
1	070012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	0101070012	3	45	0	
2	070624	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	0101070624	3	30	30	070623(a) 070631(c) 070634(c) 070637(c) 070640(c)
3	070631	Viết 3 (Ngôn ngữ Trung)	0101070631	2	15	30	070630(a) 070624(c) 070634(c) 070637(c) 070640(c)
4	070634	Đọc 3 (Ngôn ngữ Trung)	0101070634	2	15	30	070633(a) 070624(c) 070631(c) 070637(c) 070640(c)
5	070637	Nghe 3 (Ngôn ngữ Trung)	0101070637	2	15	30	070636(a)
6	070640	Nói 3 (Ngôn ngữ Trung)	0101070640	2	15	30	070639(a)
Học kỳ 4							
Học phần bắt buộc				13	165	60	
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0101070010	5	75	0	
2	070011	Pháp luật đại cương	0101070011	2	30	0	
3	070407	Anh văn giao tiếp 1	0101070407	3	30	30	
4	070625	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	0101070625	3	30	30	070624(a)
Học kỳ 5							
Học phần bắt buộc				10	120	60	
1	070001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0101070001	2	30	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101070018	2	30	0	
3	070408	Anh văn giao tiếp 2	0101070408	3	30	30	070407(a)
4	070626	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	0101070626	3	30	30	070625(a)
Học phần tự chọn				2	15	30	
1	070647	Giao tiếp thương mại	0101070647	2	15	30	070625(b)
2	070648	Khẩu ngữ du lịch	0101070648	2	15	30	0070625(b)
Học kỳ 6							
Học phần bắt buộc				14	150	120	
1	070002	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0101070002	3	45	0	070018(a)
2	070409	TOEIC 1	0101070409	3	30	30	070408(a)
3	070627	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6	0101070627	3	30	30	070626(a)
4	070641	Dịch nói 1	0101070641	2	15	30	070625(b) 070644(c)
5	070644	Dịch viết 1	0101070644	3	30	30	070625(b) 070641(c)
Học kỳ 7							
Học phần bắt buộc				15	165	120	

1	070021	Tiếng Việt thực hành	0101070021	2	30	0	
2	070410	TOEIC 2	0101070410	3	30	30	070409(a)
3	070628	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 7	0101070628	3	30	30	070627(a)
4	070642	Dịch nói 2	0101070642	2	15	30	070625(b) 070641(a) 070645(c)
5	070006	Kỹ năng giao tiếp 1	0101070006	2	30		
6	070645	Dịch viết 2	0101070645	3	30	30	070625(b) 070644(a) 070642(c)
Học kỳ 8							
Học phần bắt buộc				12	135	90	
1	070286	Dẫn luận ngôn ngữ	0101070286	2	30	0	070021(a)
2	070411	TOEIC 3	0101070411	3	30	30	070410(a)
3	070643	Dịch nói 3	0101070643	2	15	30	070625(b) 070642(a) 070646(c)
4	070646	Dịch viết 3	0101070646	3	30	30	070625(b) 070645(a) 070643(c)
5	070007	Kỹ năng giao tiếp 2	0101070007	2	30	0	070006(a)
Học phần tự chọn				2	15	30	
1	070649	Cổ Hán ngữ 1	0101070649	2	15	30	070625(b)
2	070650	Cổ Hán ngữ 2	0101070650	2	15	30	070625(b) 070619(a)
Học kỳ 9							
Học phần bắt buộc				5	60	30	
1	070310	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	0101070310	2	30	0	
2	070412	TOEIC 4	0101070412	3	30	30	070411(b)
Học phần tự chọn				8	60	120	
1	070651	Văn học sử Trung Quốc 1	0101070651	2	15	30	070625(a)
2	070652	Văn học sử Trung Quốc 2	0101070652	2	15	30	070625(b) 070651(a)
3	070653	Văn tuyển 1	0101070653	2	15	30	070625(b) 070626(a)
4	070654	Văn tuyển 2	0101070654	2	15	30	070625(b) 070653(a)
5	070655	Trích giảng thơ Đường	0101070655	2	15	30	070625(b) 070627(a)
6	070660	Ngữ âm văn tự tiếng Trung Quốc	0101070660	2	15	30	070625(b)
Học kỳ 10							
Học phần bắt buộc				2	30	0	
1	070354	Quản trị học	0101070354	2	30	0	
Học phần tự chọn				10	75	150	
1	070656	Đất nước học Trung Quốc 1	0101070656	2	15	30	070625(a)
2	070657	Đất nước học Trung Quốc 2	0101070657	2	15	30	070625(b) 070656(a)
3	070658	Văn hóa Trung Quốc 1	0101070658	2	15	30	070625(a)

4	070659	Văn hóa Trung Quốc 2	0101070659	2	15	30	070625(b) 070658(a)
5	070661	Ngữ pháp 1	0101070661	2	15	30	070625(a)
6	070662	Ngữ pháp 2	0101070662	2	15	30	070625(b) 070661(a)
7	070663	Độc 4 (Ngôn ngữ Trung)	0101070663	2	15	30	070634(a)
8	070664	Viết 4 (Ngôn ngữ Trung)	0101070664	2	15	30	070625(b) 070631(a)
9	070665	Tin học tiếng Trung Quốc	0101070665	2	15	30	070625(b) 070656(a) 070657(a)
10	070666	Thư pháp	0101070666	2	15	30	070625(b)
Học kỳ 11							
Học phần bắt buộc				13	0	0	
1	070667	Thực tập cuối khóa - Ngôn ngữ Trung Quốc	0101070667	6	0	0	
2	070668	Khóa luận tốt nghiệp - Ngôn ngữ Trung Quốc	0101070668	7	0	0	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN:

070010 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

070002 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh).

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

070018 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin).

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

070354 Quản trị học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị và vận dụng thực tiễn của nó như khái niệm và bản chất, vai trò, chức năng của nhà quản trị, môi trường quản trị, quá trình phát triển của các học thuyết quản trị. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin, ra quyết định, quản trị đổi mới, quản trị rủi ro và cơ hội.

070001 Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên lý luận về văn hóa học đại cương, các quan điểm và phương

pháp tiếp cận trong nghiên cứu văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng. Thông qua các thành tố văn hóa, không gian, thời gian văn hóa, người học hiểu được bản sắc văn hóa Việt Nam. Môn học này góp phần tạo cho sinh viên một bản lĩnh văn hóa dân tộc trong quá trình học tập và tiếp xúc với văn hóa của ngoại ngữ được học.

070021 Tiếng Việt thực hành: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: củng cố và phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng mẹ đẻ ở mức độ cao (kỹ năng ghi chép bài giảng, bài nói, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng tổng thuật qua nghe hoặc đọc văn bản...). Môn học này cung cấp những tri thức cơ bản và hiện đại về tiếng Việt làm cơ sở để đối chiếu ngôn ngữ.

070011 Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản như: quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, địa vị pháp lý của các doanh nghiệp, hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài với hành vi kinh doanh, quy định về sử dụng lao động trong kinh doanh, các quy định về hợp đồng kinh tế, tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh, phá sản doanh nghiệp.

070407 Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh.

070408 Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: Học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Các học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Những kiến thức cơ bản đó gồm: Ngữ âm học, ngữ âm ứng dụng, âm vị học và các cấu trúc ngữ pháp cơ bản. Yêu cầu đạt được trình độ trung cấp (intermediate level).

070409 TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những bài học ở cấp độ cao hơn.

070410 TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (TOEIC 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những bài học ở cấp độ cao hơn.

070411 TOEIC 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (TOEIC 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những bài học ở cấp độ cao hơn.

070412 TOEIC 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (TOEIC 3)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những bài học ở cấp độ cao hơn.

070405 Tin học văn phòng 1: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức tối thiểu.

070406 Tin học văn phòng 2: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học văn phòng 1)

Nội dung: Giới thiệu về Cơ sở dữ liệu, làm việc trên Table, thiết kế CSDL theo mô hình quan hệ; Truy vấn thông tin trên CSDL; Thiết kế các loại Form; Thiết kế các loại Report; Sử dụng Macro; Đóng gói dữ liệu.

070012 Phương pháp nghiên cứu khoa học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho người học những khái niệm nghiên cứu khoa học; các đặc điểm phân loại nghiên cứu khoa học; một số đặc điểm đặc trưng của nghiên cứu khoa học; cấu trúc logic của khảo luận khoa học; trình tự logic của nghiên cứu khoa học dựa trên ba phương pháp: Phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp suy luận; phương pháp thử nghiệm.

070310 Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, nhằm giúp cho người học biết được vị trí của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu trong ngôn ngữ học hiện đại, người học sẽ hiểu rõ hơn sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu.

070286 Dẫn luận ngôn ngữ: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Việt thực hành)

Nội dung: Nội dung học phần bao gồm những vấn đề chung về ngôn ngữ, ngôn ngữ học xã hội, ngữ âm học, từ vựng học, ngữ pháp, ngôn ngữ học so sánh...

070006 Kỹ năng giao tiếp 1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên về các vấn đề khái quát trong giao tiếp kinh doanh, các kỹ năng giao tiếp bằng lời và không dùng lời, giao tiếp kinh doanh qua điện thoại, giao tiếp kinh doanh trực tiếp, quy trình giao tiếp, cách thức nghiên cứu để hình thành thông điệp, cách thức thông đạt, sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong giao tiếp kinh doanh, cách thức chuẩn bị, viết báo cáo và trình bày báo cáo kinh doanh, cách thức chuẩn bị các buổi phỏng vấn trong kinh doanh.

070007 Kỹ năng giao tiếp 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần học trước (kỹ năng giao tiếp 1)

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào kỹ năng viết. Cụ thể, sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc viết E-mail, Memo, Thông báo, Báo cáo Khoa học, các loại văn bản kinh doanh gửi cho khách. Sinh viên cũng sẽ được chuẩn bị các kỹ năng viết hồ sơ xin việc và phỏng vấn xin việc làm. Trong khi học các kỹ năng viết e-mail, viết báo cáo, sinh viên sẽ được giao những bài tập làm trong nhóm (tại lớp hay tại nhà), từ đó sẽ hiểu cách làm việc nhóm hiệu quả nhất cũng như cách giao tiếp tốt nhất trong nhóm.

070022 Giáo dục quốc phòng: 165 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

070023 Giáo dục thể chất: 3

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

070622 Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Viết 1, Đọc 1, Nghe 1, Nói 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Trung Quốc như phát âm, ghi phiên âm, qui tắc viết chữ, các ngữ pháp điểm, từ vựng, kiểu câu đơn giản ... làm cơ sở cho việc học tập và tiếp thu kiến thức ở các học phần tiếng Trung Quốc khác trong suốt chương trình đào tạo, có thể sử dụng tiếng Trung Quốc để chào hỏi, hỏi thăm trong sinh hoạt.

070623 Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1); học phần song hành (Đọc 2, Viết 2, Nghe 2, Nói 2)

Nội dung: Học phần này đặt trọng điểm ở việc dạy bài khóa, các mẫu câu căn bản, các kết cấu văn phạm, giúp sinh viên nắm vững các ngữ pháp điểm theo yêu cầu trong giáo trình, nắm vững khoảng 500 từ, làm nền tảng để học tốt các học phần song hành và học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3.

070624 Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2); học phần song hành (Viết

3, Đọc 3, Nghe 3, Nói 3)

Nội dung: Thông qua việc giảng dạy trên lớp từng bước nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ Trung Quốc: Nghe, nói, đọc, viết cho sinh viên, giúp sinh viên nắm vững các kiến thức ngôn ngữ trong giáo trình, nắm vững khoảng 800 từ vựng, có thể vận dụng để giao tiếp thông thường bằng tiếng Trung Quốc.

070625 Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3)

Nội dung: Thông qua việc giảng dạy trên lớp giúp sinh viên tăng vốn từ vựng lên khoảng 1200 từ, nâng cao hơn nữa các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết. Sau học phần này sinh viên có thể giao tiếp thông thường bằng tiếng Trung, đủ sức để học tập và tiếp thu kiến thức ở các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

070626 Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4)

Nội dung: Trong quá trình giảng dạy chú trọng so sánh và phân biệt cách sử dụng các từ khó, từ đồng nghĩa, gần nghĩa... thông qua sửa câu sai và cấu trúc văn phạm trên lớp, học phần này cung cấp cho sinh viên khả năng nắm bắt ý từ vựng, viết đoạn văn ngắn, bồi dưỡng năng lực đọc lưu loát bài khóa, có thể tóm tắt nội dung bài khóa bằng hình thức khẩu ngữ và văn viết, tăng vốn từ vựng lên khoảng 1500 từ.

070627 Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5)

Nội dung: Cung cấp kiến thức giúp sinh viên nắm bắt ngữ ý và cách sử dụng linh hoạt các từ vựng trong giáo trình, cách diễn đạt đoạn văn, hiểu đúng và tóm tắt được nội dung bài khóa bằng hình thức khẩu ngữ và văn viết. Sau học phần này, người học phải đạt trình độ trung cấp tiếng Trung (đạt trình độ HSK cấp 4/6).

070628 Tiếng Trung Quốc tổng hợp 7: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6)

Nội dung: Thông qua bài khóa và các mục “Phối hợp và mở rộng từ vựng”, “Giải thích ngữ pháp”... cung cấp cho sinh viên cách ứng dụng từ, kiểu cấu trúc câu... qua đó giúp sinh viên nâng cao kỹ năng giao tiếp và kỹ năng diễn đạt, có vốn từ vựng khoảng 2500 từ, có đủ năng lực để học tốt các học phần chuyên ngành và tham gia luyện thi HSK cấp 5/6.

070635 Nghe 1 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc ở trình độ cơ bản, dành cho những người mới tiếp cận môn sinh ngữ này, nghe hiểu những nội dung tương đối đơn giản trong giáo trình và giải quyết tốt các bài tập theo yêu cầu..

070636 Nghe 2 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc ở trình độ cơ bản dành cho

những người mới tiếp cận môn sinh ngữ này, nghe được những câu đơn giản, những mẫu đối thoại ngắn, giúp sinh viên có thể nghe hiểu những nội dung tương đối đơn giản trong giao tiếp thường ngày như các chủ đề trong giáo trình.

070637 Nghe 3 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc ở mức độ sơ cấp, nghe hiểu những câu giao tiếp đơn giản, những mẫu đối thoại, những đoạn văn ngắn để đủ năng lực giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc trong sinh hoạt hàng ngày.

070638 Nói 1 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nói tiếng Trung Quốc để có thể giao tiếp ở mức độ đơn giản, nói được những chủ đề như nội dung đã được học trong giáo trình, có thể sử dụng tiếng Trung Quốc để chào hỏi, hỏi thăm, tự giới thiệu.

070639 Nói 2 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nói 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nói tiếng Trung Quốc ở mức độ sơ cấp, nói được những mẫu câu được học trong giáo trình, có thể giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc ở một số ngữ cảnh nhất định trong sinh hoạt thường ngày.

070640 Nói 3 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nói 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nói tiếng Trung Quốc sơ cấp, có thể sử dụng tiếng Trung Quốc để giao tiếp trong các ngữ cảnh hỏi đường, gọi điện thoại, đi du lịch, gọi thức ăn trong các nhà hàng, quán ăn...

070632 Đọc 1 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1, Viết 1, Nghe 1, Nói 1)

Nội dung: Với mục đích rèn luyện kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên, cung cấp cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu tiếng Trung Quốc ở trình độ cơ bản, dành cho những người mới tiếp cận môn học này, đọc tốt những nội dung đơn giản trong giáo trình và giải quyết tốt các bài tập theo yêu cầu.

070633 Đọc 2 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu tiếng Trung Quốc ở trình độ cơ bản, nâng dần tốc độ đọc cho phù hợp, có diễn đạt tình cảm khi đọc, đọc được những nội dung theo yêu cầu của giáo trình.

070634 Đọc 3 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc 2)

Nội dung: Nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Trung Quốc, có tốc độ đọc và khả năng diễn đạt chính xác tư tưởng tình cảm, qua đó sinh viên có thể đọc được các thể văn khác nhau ở mức độ

sơ cấp, các văn bản đơn giản.

070629 Viết 1 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1, Đọc 1, Nghe 1, Nói 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết chữ Hán cơ bản, viết câu đơn, tránh những lỗi thường mắc phải khi trình bày viết bằng tiếng Trung, viết được những nội dung tương đối đơn giản như trong giáo trình và giải quyết tốt các bài tập theo yêu cầu.

070630 Viết 2 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Viết 1); học phần song hành (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2, Đọc 2, Nghe 2, Nói 2)

Nội dung: Học phần này mang tính thực dụng và thực tiễn, đặt nặng trọng điểm rèn luyện và cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết câu văn ngắn, đơn giản, để nâng cao trình độ diễn đạt bằng văn viết, từng bước nâng cao và phát triển năng lực vận dụng văn viết để tiến hành giao tiếp của sinh viên.

070631 Viết 3 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Viết 2); học phần song hành (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3, Đọc 3, Nghe 3, Nói 3)

Nội dung: Rèn luyện kỹ năng viết cho sinh viên ở mức độ sơ cấp, viết được đoạn văn ngắn, có thể trình bày các nội dung đơn giản bằng văn bản, viết được các thể loại văn như: tường thuật, nghị luận ở mức độ đơn giản.

070641 Dịch nói 1: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4), học phần song hành (Dịch viết 1)

Nội dung: Rèn luyện cho sinh viên có phản xạ nhanh trong giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc, trang bị các kỹ năng cần thiết để giúp sinh viên có thể dịch nói ở mức độ sơ cấp, có thể nghe hiểu và dịch nói một cách chính xác các bài khóa và các chủ đề có liên quan trong giáo trình.

070642 Dịch nói 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần học trước (Dịch nói 1); học phần song hành (Dịch viết 2)

Nội dung: Giúp sinh viên nghe hiểu và dịch nói một cách chính xác các bài khóa và chủ đề trong giáo trình, nâng cao năng lực dịch nói của sinh viên để có thể dịch nói ở các tình huống đơn giản.

070643 Dịch nói 3: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần học trước (Dịch nói 2); học phần song hành (Dịch viết 3)

Nội dung: Nâng cao trình độ dịch nói của sinh viên, giúp sinh viên có thể nghe hiểu và dịch nói một cách chính xác các bài khóa và các chủ đề có liên quan trong giáo trình, có thể dịch nói những nội dung tương đối đơn giản trong thực tiễn.

070644 Dịch viết 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần song hành (Dịch nói 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức cơ bản về dịch thuật, nắm được cách dịch và những điều cần lưu ý khi dịch các Đại từ nhân xưng, giới từ, từ gốc Hán. Dịch viết được một số câu đơn giản.

070645 Dịch viết 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần trước (Dịch viết 1), học phần song hành (Dịch nói 2)

Nội dung: Tiếp tục trang bị thêm cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức cơ bản về dịch thuật như cách dịch Định ngữ, thành ngữ, thành ngữ gốc Hán. Cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên có khả năng đảm trách việc dịch các văn bản, tài liệu ở mức độ đơn giản.

070646 Dịch viết 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần trước (Dịch viết 2); học phần song hành (Dịch nói 3)

Nội dung: Nâng cao trình độ dịch viết của sinh viên. Cung cấp thêm thuật ngữ và kiến thức dịch thuật trong suốt quá trình thực hành dịch viết để sinh viên có đủ năng lực dịch các văn bản, tài liệu Trung – Việt và Việt – Trung.

070649 Cổ Hán ngữ 1: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Cổ Hán ngữ, giúp sinh viên bước đầu làm quen với môn Cổ Hán ngữ, khơi dậy sự yêu thích của sinh viên đối với môn học, làm tiền đề cho việc nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực này sau khi tốt nghiệp.

070650 Cổ Hán ngữ 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần trước (Cổ Hán ngữ 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Cổ Hán ngữ ở cấp độ cao hơn học phần Cổ Hán ngữ 1, giúp sinh viên hiểu biết sâu hơn môn học này, làm tiền đề cho việc học tập và nghiên cứu lĩnh vực này khi có điều kiện và hứng thú.

070651 Văn học sử Trung Quốc 1: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về văn học sử Trung Quốc, giới thiệu các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn từ thời nhà Tần đến đời nhà Đường. Trên cơ sở đó khơi dậy niềm say mê của sinh viên đối với môn học, tạo đà để sinh viên quan tâm và tiếp tục học tập, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến môn học.

070652 Văn học sử Trung Quốc 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần trước (Văn

học sử Trung Quốc 1)

Nội dung: Giới thiệu văn học sử Trung Quốc giai đoạn từ thời nhà Đường đến thời nhà Thanh, bao gồm: Thơ Đường (các tác giả: Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị), Tống từ, tiểu thuyết Minh Thanh (các tác phẩm: Tam quốc chí, Thủy hử, Tây du ký).

070656 Đất nước học Trung quốc 1: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4)

Nội dung: Thông qua bài giảng giới thiệu với sinh viên về hệ thống hành chính, tài nguyên, dân số, dân tộc, ngôn ngữ, lịch sử, phong tục tập quán, tôn giáo tín ngưỡng của Trung Quốc, giúp sinh viên có hiểu biết ban đầu về những lĩnh vực này và có hứng thú để tìm hiểu, nghiên cứu chuyên sâu hơn về đất nước Trung Quốc.

070657 Đất nước học Trung Quốc 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần học trước (Đất nước học Trung Quốc 1)

Nội dung: Thông qua các bài giảng tiếp tục giới thiệu với sinh viên về Kinh tế, khoa học kỹ thuật, giáo dục, phong tục tập quán, tư tưởng truyền thống và văn học của Trung Quốc, giúp sinh viên có hiểu biết ban đầu về những lĩnh vực này và có hứng thú để tìm hiểu, nghiên cứu chuyên sâu hơn về đất nước Trung Quốc.

070658 Văn hóa Trung Quốc 1: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4)

Nội dung: Học phần này giúp sinh viên nắm thêm các từ vựng thuộc lĩnh vực văn hóa, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Trung Quốc, hiểu biết những nét chính của văn hóa Trung Quốc thông qua các bài giảng và bài đọc thêm trong giáo trình.

070659 Văn hóa Trung Quốc 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần học trước (Văn hóa Trung Quốc 1)

Nội dung: Học phần này là phần tiếp tục của học phần Văn hóa Trung Quốc 1, cũng giúp sinh viên nắm thêm các từ vựng thuộc lĩnh vực văn hóa, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Trung Quốc, hiểu biết những nét chính của văn hóa Trung Quốc thông qua các bài giảng và bài đọc thêm trong giáo trình, khơi dậy hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về văn hóa Trung Quốc.

070661 Ngữ pháp 1: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4)

Nội dung: Giúp sinh viên nắm vững một số điểm ngữ pháp căn bản về từ của Tiếng Trung Quốc trong câu đơn, đặc điểm từng từ loại, các dạng câu đơn, sự khác biệt giữa tiếng Trung và tiếng Việt. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức ngữ pháp để học tốt những kỹ năng ngôn ngữ, nắm vững các kỹ năng trình bày và viết các loại câu, các đoạn văn.

070662 Ngữ pháp 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần trước (Ngữ

pháp 1)

Nội dung: Giúp sinh viên nắm vững một số điểm ngữ pháp căn bản của Tiếng Trung Quốc về đoản ngữ và các loại câu phức/ câu ghép. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức ngữ pháp để học tốt các kỹ năng ngôn ngữ, có đủ năng lực trình bày đúng câu và đoạn văn tiếng Trung hoàn chỉnh.

070653 Văn tuyển 1: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần trước (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5)

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức để phân tích, cảm thụ văn học thông qua trích giảng các tác phẩm văn học hiện đại và đương đại nổi tiếng của Trung Quốc, qua đó giúp sinh viên hiểu biết phần nào về nền văn học Trung Quốc trong thời kỳ này.

070654 Văn tuyển 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần trước (Văn tuyển 1)

Nội dung: Trích giảng các tác phẩm văn học hiện đại và đương đại nổi tiếng của Trung Quốc, thông qua những bài văn tiêu biểu này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để phân tích, cảm thụ văn học, giúp sinh viên bước đầu làm quen với nền văn học Trung Quốc.

070665 Tin học tiếng Trung: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần trước (Tin học văn phòng 1 và 2)

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tin học tiếng Trung và các phương pháp nhập chữ Hán. Kết thúc học phần sinh viên sẽ:

- Có các khái niệm căn bản về tin học tiếng Trung và các phương pháp nhập chữ Hán.
- Nâng cao kỹ năng đọc hiểu và phiên dịch các tài liệu về thuật ngữ tin học bằng tiếng Trung.
- Sử dụng thành thạo máy tính với giao diện tiếng Trung (Chinese Windows)
- Soạn thảo các văn bản tiếng Trung bằng nhiều cách gõ chữ Hán khác nhau.

070660 Ngữ âm văn tự tiếng Trung: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc một cách có hệ thống, làm nền tảng cho việc học tốt tiếng Trung, nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ Trung Quốc.

070647 Giao tiếp thương mại: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4)

Nội dung: Thông qua các bài đàm thoại với các tình huống : dò hỏi thông tin; bàn bạc giá cả; điều tra tín dụng; đặt hàng; thỏa thuận; phương thức thanh toán; đóng gói, bốc xếp, vận chuyển hàng hóa; khai báo hải quan; kiểm hóa... Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng trong ngành thương mại, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung trong kinh doanh, cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên đảm trách việc dịch các văn bản, tài liệu cho các hội nghị, hội thảo quốc

tế, các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, các văn bản thỏa thuận và hợp đồng quốc tế liên quan đến thương mại...

070648 Khẩu ngữ du lịch: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4)

Nội dung: Với 10 bài đàm thoại theo tình huống gồm các nội dung liên quan việc phục vụ ở trọ, ăn uống và tham quan mua sắm trong các Tour du lịch, học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng trong ngành du lịch, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung trong lĩnh vực du lịch, cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên đảm trách việc dịch các văn bản, tài liệu cho các hội nghị, hội thảo quốc tế, các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, các văn bản và hợp đồng quốc tế liên quan đến du lịch.

070666 Thư pháp: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4)

Nội dung: Giúp sinh viên biết cách cầm bút lông, cách vận bút, tư thế ngồi viết, đứng viết. Nắm được 8 nét cơ bản của thư pháp, cách viết liễn tét vào giấy hồng đơn.

Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản nhất của thư pháp chữ Hán để khơi dậy niềm đam mê của sinh viên đối với bộ môn nghệ thuật này.

070655 Trích giảng thơ Đường: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về thơ Đường, một điểm sáng của văn học Trung Quốc cổ đại, khơi gợi sự hứng thú của sinh viên đối với môn học, thuộc và hiểu một số bài thơ Đường nổi tiếng trong chương trình.

070663 Đọc 4 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc 3)

Nội dung: Nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Trung Quốc cho sinh viên, giúp sinh viên có thể đọc tốt những nội dung trong giáo trình và giải quyết tốt các bài tập theo yêu cầu, trên cơ sở đó nâng cao trình độ đọc hiểu của sinh viên lớp chuyên Ngôn ngữ Trung Quốc.

070664 Viết 4 (Ngôn ngữ Trung): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4); học phần trước (Viết 3)

Nội dung: Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng viết, đạt trình độ viết ở mức độ trung cấp, viết được bài văn ngắn, có đủ năng lực trao đổi thông tin, tường thuật, truyền đạt ý nghĩ bằng văn bản một cách chính xác.

070696 Luyện kỹ năng thi HSK cấp 5/6: 7 (60, 90, 175)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung Quốc tổng hợp 7)

Nội dung: Củng cố lại các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ Trung Quốc, rèn luyện kỹ năng làm bài thi HSK cấp 5/6, giúp sinh viên có đủ tự tin tham gia các kỳ thi HSK và đạt kết quả tốt ở cấp 5/6.

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG PHÒNG ĐT

ThS. Nguyễn Lan Phương

TRƯỞNG KHOA

TS. NGUYỄN PHÚ THỌ